

Số: 300/2020/QĐST-HNGĐ

Tn, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**  
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng  
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quảng Thái, ông Trần Trọng Tú  
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều Điều 51, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;  
Luật án phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số: 876/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Thịnh, thành phố Tn

Bị đơn: Anh Vũ Dũng T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Thịnh, thành phố Tn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1942, ông Vũ Đức C, sinh năm 1936 (Ông Cường ủy quyền cho bà Tâm)

Đều có địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Thịnh, thành phố Tn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Huyền T với anh Vũ Dũng T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có hai con là Vũ Nhật L, sinh ngày 22/4/1999 đã trưởng thành và Vũ Yến N, sinh ngày 21/7/2005 hai bên thỏa thuận chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng con là Vũ Yên N cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ giải quyết về tài sản chung do các bên rút yêu cầu khởi kiện;

4. Về án phí: Chị Lê Thị Huyền T tự nguyện nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung quỹ nhà nước được trừ từ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 31 tháng 10 năm 2019 biên lai số: 0002355.

Anh Vũ Dũng T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại chị Lê Thị Huyền T 20.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí về tài sản chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 11 tháng 12 năm 2019 biên lai số: 0002460.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Huy Hưởng**

